

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 26/2016/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 5469/TTr-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc áp dụng và tổ chức thực hiện

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở, ban ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là các Sở, cơ quan tỉnh và các địa phương).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương.

3. Nguyên tắc áp dụng phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020:

a) Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 là cơ sở để xây dựng dự toán thu - chi ngân sách của từng Sở, cơ quan tỉnh và của từng địa phương (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

b) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ tiền lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng và nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31 tháng 5 năm 2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình).

c) Tổng dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương và dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ, sự nghiệp bảo vệ môi trường được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quy định này và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Tổ chức thực hiện:

a) Căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 tính theo định mức phân bổ và tiến độ thực hiện điều chỉnh giá, phí dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định 16/2015/NĐ-CP), các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố xây dựng định mức phân bổ chi ngân sách trong đó việc phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp công lập phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, yêu cầu tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp, giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ, chính sách. Hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan, giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ban ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành trên địa bàn.

b) Định mức phân bổ chi ngân sách của huyện, thị xã, thành phố mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách huyện, không phải là định mức chi tiêu ngân sách. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho ngân sách xã, phường, thị trấn. Đối với khoản chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ; sự nghiệp bảo vệ môi trường huyện, thị xã, thành phố phân bổ không được thấp hơn mức tính phân bổ cho ngân sách huyện; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016. /

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh và UBND tỉnh (đăng công báo);
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, tx, tp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ và CV phòng Tổng hợp;
- Báo GL; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

CHƯƠNG I

PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 1. Phân cấp nguồn thu

1) Các khoản thuế; lệ phí môn bài: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thù từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn tham gia của nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp không có vốn tham gia nhà nước do Cục thuế tỉnh thu.

b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách huyện) hưởng 100% gồm: Thu từ doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp do Chi cục thuế thu.

Các khoản thuế; lệ phí môn bài của doanh nghiệp không có vốn tham gia nhà nước, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, đơn vị sự nghiệp giao Chi cục thuế huyện, thị xã, thành phố quản lý thu được ổn định từ đầu năm 2017 đến hết năm 2020.

2) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan nhà nước trung ương thực hiện) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế do UBND tỉnh quyết định; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do tỉnh quản lý thu.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Dự án do ngân sách huyện đầu tư thực hiện và thu tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do huyện, thị xã, thành phố quản lý thu.

3) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý:

a) Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách huyện hưởng 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.

4) Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông:

a) Công an tỉnh, Công an huyện, thị xã, thành phố và cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh xử lý: ngân sách Trung ương 100%.

b) Thanh tra giao thông tỉnh xử lý: ngân sách cấp tỉnh: 100%.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý: ngân sách cấp huyện 100%.

d) Công an xã và các lực lượng cấp xã xử lý: ngân sách xã 100%.

5) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thu tiền bán cây đứng; các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

6) Thuế bảo vệ môi trường (phí xăng dầu):

a) Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu nhập khẩu: ngân sách trung ương 100%.

b) Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu sản xuất trong nước: ngân sách cấp tỉnh 100%.

7) Thu sự nghiệp; thu phí và lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; thu tiền cho thuê quầy bán hàng; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương; huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật:

a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh quản lý.

b) Ngân sách huyện 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã quản lý.

8) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện:

a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: Do các cơ quan cấp tỉnh xử lý.

b) Ngân sách huyện 100%: Do các cơ quan cấp huyện, cấp xã (kể cả hạt kiểm lâm) xử lý.

9) Lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: ngân sách huyện hưởng 100%.

10) Thu kết dư ngân sách địa phương:

a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách huyện 100%: đối với thu kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

11) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: thu từ ngân sách trung ương bổ sung.

b) Ngân sách cấp huyện 100%: thu từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung.

c) Ngân sách cấp xã 100%: thu từ ngân sách cấp huyện bổ sung.

12) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang:

a) Ngân sách cấp tỉnh 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

b) Ngân sách cấp huyện 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

c) Ngân sách cấp xã 100%: đối với thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã.

13) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Đối với Giấy phép do Trung ương cấp: nộp 70% cho ngân sách Trung ương, 30% cho ngân sách cấp tỉnh.

b) Đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: nộp 100% cho ngân sách cấp tỉnh.

14) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Tỷ lệ (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã theo bảng tổng hợp đính kèm.

Điều 2. Phân cấp nhiệm vụ chi

1) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh:

1.1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp tỉnh quản lý.

b) Đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

c) Bổ trợ cho các hoạt động công ích; cấp vốn điều lệ và hỗ trợ các Quỹ hỗ trợ đầu tư, trích lập quỹ phát triển đất; hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến thương mại của địa phương.

d) Hỗ trợ các dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, chi thường cho các tổ chức kinh tế có thành tích thực hiện tốt các hoạt động sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu, đóng góp nguồn thu v.v... được địa phương khuyến khích.

đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

1.2) Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông trên các tuyến đường do tỉnh quản lý; hỗ trợ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi: hoạt động của các trung tâm, trạm, trại nông nghiệp do tỉnh quản lý; hoạt động bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông; hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; chi cấp bù miễn thu thủy lợi phí; chi các dự án nông nghiệp; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi;

- Sự nghiệp lâm nghiệp: hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; hoạt động khuyến lâm; chống khai thác, vận chuyển, kinh doanh lâm sản trái phép;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; qui hoạch phát triển ngành; qui hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị do tỉnh quản lý;

- Đo đạc, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính, chi cho Văn phòng Đăng ký đất đai, các hoạt động sự nghiệp tài nguyên và môi trường, hoạt động thông tin và truyền thông, du lịch.

- Chi các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, khuyến công, khuyến khích hỗ trợ đầu tư khuyến công;

- Điều tra cơ bản và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

- Điều tra cơ bản, thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường; hoạt động quan trắc môi trường; khắc phục ô nhiễm môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Hoạt động các khu bảo tồn thiên nhiên; rừng quốc gia thuộc tỉnh quản lý;

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục trung học phổ thông (kể cả dân tộc nội trú, bổ túc văn hóa);

- Đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp tỉnh; tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại các cơ sở thuộc tỉnh quản lý;

- Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp tỉnh quản lý;

- Hỗ trợ giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sách giáo khoa, đồ dùng dạy học, vở học sinh...);

- Hỗ trợ cán bộ công chức trình độ cao mới được đào tạo hoặc mới được tiếp nhận ở các cơ quan cấp tỉnh;

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác tại các bệnh viện và các cơ sở y tế cấp tỉnh (kể cả bệnh viện đa khoa khu vực thị xã An Khê, thị xã AyunPa, Bệnh viện huyện, thành phố, Trạm y tế trung tâm, Trạm y tế xã, Ban y tế dự phòng huyện, thị xã, thành phố)

- Mua thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.

đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Sau khi bố trí các đề tài khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trường hợp còn lại được bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện nhiệm vụ chi khoa học và công nghệ.

e) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, du lịch, thông tin truyền thông, phát thanh truyền hình.

f) Chi đảm bảo xã hội:

- Hoạt động của các trung tâm, trại xã hội thuộc tỉnh quản lý;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ của các đối tượng do tỉnh quản lý;

- Hỗ trợ, cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách cho đồng bào dân tộc, người nghèo và các đối tượng theo qui định;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, đồng bào dân tộc, người nghèo, người bị nhiễm chất độc hoá học; cứu đói, cứu trợ xã hội đột xuất;

- Khắc phục thiên tai trên diện rộng, vượt quá khả năng của ngân sách huyện;

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp tỉnh tổ chức;

- Thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với học viên đào tạo sĩ quan dự bị; đào tạo cán bộ quân sự địa phương; huấn luyện, bồi dưỡng các đối tượng khác do cấp tỉnh tổ chức;

- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ, công chức học tại Trường Quân sự tỉnh;

- Mua sắm trang phục của cán bộ, chiến sĩ dân quân nông cốt theo quy định của pháp luật; mua sắm công cụ hỗ trợ, vật chất huấn luyện, phương tiện thiết yếu cho dân quân tự vệ trong toàn tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của các cơ quan quân sự cấp tỉnh, trường Quân sự tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;

- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhiệm vụ đột xuất về quốc phòng theo quy định khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Hỗ trợ mua sắm, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các loại trang bị, phương tiện hoạt động, phương tiện vận tải theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh.

- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.

h) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp tỉnh thực hiện;

- Quản lý vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ và quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt;

- Quản lý việc đi lại, cư trú của người nước ngoài ở địa phương;

- Phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện;

- Công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý phân giới, bảo vệ biên giới;

- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trang phục cho lực lượng Công an xã, thị trấn; trang phục cho bảo vệ dân phố theo chế độ quy định.

- Hỗ trợ xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho các cơ quan Công an cấp tỉnh theo khả năng của ngân sách cấp tỉnh;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

i) Hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

l) Hoạt động của các cơ quan cấp tỉnh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở tỉnh đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp tỉnh.

n) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản qui phạm pháp luật và các hoạt động giám định tư pháp do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

o) Phần chi thường xuyên trong các chương trình quốc gia do địa phương thực hiện.

p) Trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách và xuất bản báo Gia Lai.

q) Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

r) Bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

s) Chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách năm sau.

t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại theo phân cấp của Chính phủ.

u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

x) Thực hiện vốn đối ứng theo quy định của pháp luật.

v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

2) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

2.1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp huyện, cấp xã quản lý (trừ các công trình đã được phân cấp chi cho ngân sách xã):

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn giao thông đô thị, điện chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, vỉa hè theo phân cấp quản lý (trừ các tuyến đường thuộc các dự án trọng điểm do ngân sách tỉnh đầu tư);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình vệ sinh công cộng, hệ thống nước sinh hoạt, công trình bảo vệ môi trường; công viên, khu vui chơi giải trí và các công trình phúc lợi công cộng khác;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở xã, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở, cơ sở làm việc, trang thiết bị chuyên môn các cơ quan thuộc huyện;
- Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn đường giao thông, đường điện, công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý;
- Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
- b) Đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lập quỹ phát triển đất;
- c) Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu theo phân cấp của tỉnh;
- d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo qui định của pháp luật.

2.2) Chi thường xuyên:

a) Chi hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, lâm nghiệp, thủy lợi, chi cấp bù miễn thủy lợi phí, công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt; phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi.
- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, cầu đường (trừ quốc lộ, tỉnh lộ), bến xe do cấp huyện, xã quản lý;
- Sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp thị chính khác;
- Quy hoạch tổng thể, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết (kể cả điều chỉnh quy hoạch chi tiết) cấp huyện, cấp xã;
- Đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Duy tu, bảo dưỡng công trình phúc lợi công cộng; bảo vệ, duy trì các thương hiệu trên địa bàn tỉnh và chi hoạt động kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

b) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

- Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng;
- Xử lý chất thải, xử lý chất thải nguy hại, xử lý, chôn lấp chất thải;
- Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được phân cấp cho cấp huyện;
- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường; khen thưởng việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Hoạt động giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo), tiểu học, trung học cơ sở (kể cả dân tộc nội trú, bán trú, bổ túc văn hóa);

- Công tác xoá mù, phổ cập tiểu học, phổ cập trung học cơ sở;

- Đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, dạy nghề tại các cơ sở thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý;

- Đào tạo lại cán bộ, công chức thuộc biên chế cấp huyện, cấp xã, cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, buôn, làng, tổ dân phố; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở thuộc huyện quản lý;

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3,4,5 tuổi; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo - Lao động Thương binh & Xã hội – Tài chính; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp huyện quản lý; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ cán bộ công chức trình độ cao mới được đào tạo hoặc mới được tiếp nhận ở các cơ quan cấp huyện, xã.

- Các sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Hoạt động dân số và kế hoạch hoá gia đình; cộng tác viên dân số;

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình khác theo quy định của pháp luật.

đ) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

e) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin (kể cả chi triển khai, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và các nội dung hoạt động khác của Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”); bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể cộng đồng Tây Nguyên (mua sắm, tập huấn, dạy đánh cồng chiêng...); hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý.

f) Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình: bao gồm mua sắm, sửa chữa, chi cho công tác nghiệp vụ cho Đài Phát thanh và Truyền hình; trạm phát lại truyền hình vùng lõm các huyện. Chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình khác theo quy định của pháp luật.

g) Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp đối tượng xã hội cộng đồng, đối tượng nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi;

- Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ của các đối tượng do huyện quản lý;

- Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ.

- Cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất;

- Công tác quản lý Nghĩa trang, Đài tưởng niệm;

- Hỗ trợ đối tượng chính sách (thăm hỏi, sửa chữa nhà v.v...);

- Chi đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật.

h) Chi quốc phòng:

- Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và báo cáo công tác quốc phòng do cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức;

- Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên;

- Chế độ và hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực, Trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm theo quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với sĩ quan dự bị;

- Đảm bảo công tác phòng không nhân dân;

- Thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân, ra quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

- Công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân nhân dự bị, dân quân tự vệ do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;

- Hỗ trợ quân sự, công tác quân sự địa phương ở cơ sở và xã biên giới;

- Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu, doanh trại, kho tàng của các cơ quan quân sự cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”).

- Chi quốc phòng khác theo quy định của pháp luật.

i) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Phòng chống tham nhũng, chống buôn lậu, gian lận thương mại do cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;
- Chi công tác phòng cháy, chữa cháy (trừ công tác phòng cháy chữa cháy do Công an tỉnh thực hiện);
- Chi phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng, chống ma túy do cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;
- Công tác an toàn giao thông do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;
- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện;
- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.
- Hỗ trợ an ninh trật tự ở cơ sở và xã biên giới;
- Hỗ trợ xây dựng, cải tạo, và sửa chữa trụ sở làm việc, trại tạm giam, nhà tạm giữ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho cơ quan Công an cấp huyện, thị xã, thành phố theo khả năng của ngân sách cấp huyện;
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

k) Hoạt động của hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố.

l) Hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp huyện, thị xã, thành phố; hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp không có vốn tham gia của nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp.

m) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố.

n) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện, thị xã, thành phố đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp huyện.

o) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, rà soát văn bản qui phạm pháp luật do các cơ quan cấp huyện thực hiện.

p) Hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.

q) Thực hiện các nhiệm vụ chi được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu (Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống

thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

r) Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.

s) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

t) Chi cho các nhiệm vụ đối ngoại với nước bạn.

u) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.

v) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

3) Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:

3.1) Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý:

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông nội bộ (đường liên thôn, làng, đường hẻm);

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình phúc lợi công cộng do cấp xã quản lý;

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở, trường mầm non, phòng họp, nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, buôn, làng, tổ dân phố, công trình thủy lợi nhỏ, công trình nước tự chảy do UBND cấp huyện quyết định phù hợp với khả năng quản lý của từng xã;

b) Các khoản chi đầu tư từ các nguồn vốn do nhân dân đóng góp và các khoản chi đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

3.2) Chi thường xuyên:

a) Hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã.

c) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã hội ở cấp xã theo qui định.

d) Chế độ tiền lương, phụ cấp và kinh phí hoạt động của cán bộ thôn, buôn, làng, tổ dân phố, già làng, trưởng bản theo qui định của trung ương và địa phương.

đ) Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi công cộng do xã quản lý.

e) Hoạt động quản lý về bảo vệ môi trường theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân cấp huyện phân cấp cho cấp xã.

f) Chi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tủ sách pháp luật, hoạt động hòa giải ở cơ sở.

g) Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ các hoạt động giáo dục (nhà trẻ, mẫu giáo, bổ túc văn hóa, xoá mù chữ và phổ cập giáo dục...).

h) Đào tạo lại cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ cơ sở theo nhiệm vụ được phân cấp.

i) Phụ cấp và kinh phí hoạt động cho cán bộ y tế thôn, buôn, làng. Hỗ trợ công tác y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc trẻ em.

k) Hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin (kể cả thực hiện Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”), thể dục thể thao, truyền thanh do cấp xã quản lý.

l) Hỗ trợ đối tượng chính sách; cứu đói, cứu trợ, cứu tế xã hội thường xuyên và đột xuất; trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc trước năm 1998.

m) Chi quốc phòng và dân quân tự vệ do cấp xã thực hiện:

- Huấn luyện, diễn tập, hoạt động thường xuyên của lực lượng dân quân tự vệ;

- Tổ chức thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân; đảm bảo chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

- Công tác giáo dục quốc phòng do cấp xã thực hiện;

- Đảm bảo chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;

- Tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (kể cả thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”).

- Chi quốc phòng và dân quân tự vệ khác theo quy định của pháp luật.

n) Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi đảm bảo hoạt động của Công an xã (trừ Công an phường), bảo vệ dân phố, Tổ tự quản an toàn giao thông, công tác an ninh cơ sở, an ninh nông thôn;

- Chi đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội do cấp xã thực hiện;

- Thực hiện công tác quản lý và bảo vệ biên giới do cấp xã thực hiện;

- Sơ kết, tổng kết, khen thưởng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội khác theo quy định của pháp luật.

o) Hỗ trợ hoạt động của các trung tâm cụm xã trên địa bàn.

p) Thực hiện nhiệm vụ chi được ngân sách cấp huyện bổ sung có mục tiêu (Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, kinh phí phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả lũ lụt, phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi và các khoản bổ sung có mục tiêu khác).

q) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.

- r) Hỗ trợ các cơ quan, đơn vị cấp trên có tham gia thực hiện những nhiệm vụ của địa phương theo khả năng ngân sách của cấp xã.
- s) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính.
- t) Các khoản chi thường xuyên khác theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 3. Những quy định chung

1) Về tiêu chí phân bổ:

- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: chọn qui mô đối tượng chi làm tiêu chí cơ bản phân bổ chi ngân sách. Cụ thể:

- + Đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề: chọn tiêu chí số lớp;
- + Đối với các cơ sở khám chữa bệnh: chọn tiêu chí số giường bệnh;
- + Đối với các đơn vị quản lý hành chính: chọn tiêu chí biên chế.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố) thực hiện đúng theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ để giảm mức hỗ trợ từ NSNN.

- Đối với ngân sách huyện: chọn qui mô về dân số có phân loại theo khu vực, theo độ tuổi làm tiêu chí phân bổ chi ngân sách, để các khu vực khó khăn có kinh phí đảm bảo các chế độ, chính sách và các khoản chi cần thiết theo quy định của nhà nước, có điều kiện phát triển, đảm bảo tính công bằng. Riêng đối với các lĩnh vực chỉ được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu cụ thể như: sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, quản lý hành chính được chọn tiêu chí về chỉ tiêu biên chế của cấp có thẩm quyền giao để phân bổ và phân bổ thêm tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tiêu chí dân số (nhằm tránh sự chênh lệch về quy mô dân số giữa các huyện, thị xã, thành phố).

2) Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018 trở đi) đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp tỉnh như quản lý hành chính, sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục – đào tạo, sự nghiệp nghiên cứu khoa học được điều chỉnh tăng thêm hàng năm theo tỷ lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng của ngân sách cấp tỉnh.

3) Đối với các huyện, thị xã, thành phố nhận bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh, từ năm 2018 trở đi: căn cứ khả năng của ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ thêm một phần kinh phí để giảm bớt khó khăn cho các địa phương.

Điều 4. Định mức phân bổ

1) Định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

1.1) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Phân bổ theo biên chế:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

STT	Loại hình cơ quan - Quy mô biên chế	Định mức
1	Từ 50 biên chế trở lên	27
2	Từ 30 đến dưới 50 biên chế	28
3	Từ 20 đến dưới 30 biên chế	29
4	Dưới 20 biên chế	30

b) Phân bổ bổ sung:

- Các đơn vị có các khoản chi cho chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ chung của tỉnh bao gồm: Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 50% trên định mức chi quản lý hành chính; các Sở, ban, ngành và đoàn thể có lĩnh vực hoạt động mang tính tổng hợp và các hoạt động phong trào bao gồm: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Tỉnh Đoàn Thanh niên CSHCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Hội Cựu chiến binh Tỉnh khi giao dự toán được tính bổ sung thêm 20% trên định mức chi quản lý hành chính.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chỉ đặc thù của Khối Đảng, HĐND Tỉnh, UBND Tỉnh, UB Mặt trận TQVN Tỉnh sẽ được tính toán cụ thể, đảm bảo nhu cầu chi hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với khả năng ngân sách, nhiệm vụ của địa phương và đơn vị để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm.

c) Định mức phân bổ nêu trên bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan phát sinh hàng năm (đã bao gồm các khoản: tiền làm đêm, thêm giờ, khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...) của số biên chế được giao.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra, kinh phí xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin).

- Các khoản kinh phí mua sắm, thay thế công cụ, dụng cụ làm việc; kinh phí sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản.

d) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của số biên chế được giao (kể cả lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ và kinh phí nâng lương hằng năm).

- Trang phục của toàn ngành theo quy định của trung ương.

- Chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở làm việc. Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho CBCCVC mới được bổ sung biên chế.

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo đề án được UBND tỉnh phê duyệt.

- Kinh phí mua sắm, nâng cấp, sửa chữa TSCĐ có giá trị (của một hoặc một nhóm không thể tách rời) vượt quá khả năng kinh phí được bố trí hằng năm (trên 5% tổng số kinh phí được phân bổ).

- Đơn vị có cán bộ, công chức trình độ cao mới được đào tạo hoặc mới được tiếp nhận ở các cơ quan cấp tỉnh được hỗ trợ theo qui định của tỉnh.

- Chi tổ chức Đại hội (theo nhiệm kỳ); các hội nghị ngành có quy mô tổ chức lớn theo chỉ đạo của tỉnh.

- Chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban Quản lý, Tổ (Đoàn) công tác liên ngành, thanh tra chuyên ngành.

- Các Hội thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của các Sở, Ban, Ngành ở tỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Các nội dung khác:

Về chỉ tiêu biên chế: Được xác định trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm của UBND tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ (kể cả hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000).

e) Dự toán chi quản lý hành chính các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2018 - 2020), được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý hành chính điều chỉnh tăng/giảm theo khả năng ngân sách nhà nước UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm.

1.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông:

Đơn vị tính : triệu đồng/lớp/năm

STT	Loại hình - Qui mô trường	Định mức phân bổ chi năm 2017
1	Từ 28 lớp trở lên	39
2	Từ 18 đến 27 lớp	42
3	Từ 17 lớp trở xuống	45

a) Định mức phân bổ nêu trên bao gồm toàn bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, chi phụ cấp dạy tăng, dạy thay, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị giáo dục.

b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế được giao (kể cả hợp đồng NĐ 68 và kinh phí nâng lương hằng năm) (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay).

- Chính sách hỗ trợ CB, CC, VC đi học và thu hút người có trình độ cao.

- Kinh phí bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Các nội dung khác:

- Các lớp chuyên được tính bằng 200% so với lớp không chuyên.

- Các lớp thuộc Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh, trường THPT DTNT Đông Gia Lai được tính bằng 200% định mức.

- Các trường có số học sinh bình quân dưới 40 học sinh/lớp (trừ các lớp học sinh dân tộc nội trú và các lớp chuyên) chỉ tính 95% định mức.

- Số lớp được tính bình quân số học giữa số lớp đầu năm và số lớp sau khi khai giảng năm học mới.

1.3) Định mức phân bổ chi đào tạo:

Phân bổ theo số lớp đào tạo:

Đơn vị tính : triệu đồng/lớp/năm

STT	Ngành nghề đào tạo	Định mức phân bổ năm 2017
1	Cao đẳng sư phạm	470
2	Cao đẳng Nghề	361
3	Trung học sư phạm	400
4	Trung học văn hoá nghệ thuật	385
5	Trung học y tế	468
6	Trung học chính trị	574
7	Trung học khác	328
8	Đào tạo nghề	328

a) Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế được giao (kể cả hợp đồng NĐ 68) và toàn bộ hoạt động sự nghiệp đào tạo đã giao cho đơn vị, kể cả chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị.

b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Chính sách hỗ trợ CB, CC, VC đi học và thu hút người có trình độ cao.

- Kinh phí bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ – CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và kinh phí nâng lương hằng năm sẽ được bổ sung theo chế độ quy định.

- Học bổng học sinh, tiền ăn, tiền tàu xe đi về của học viên thuộc diện được ngân sách hỗ trợ.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Các nội dung khác:

- Định mức trên áp dụng cho mỗi lớp có số học sinh là 35, thời gian học trong năm là 11 tháng. Các trường có số học sinh bình quân cao hơn hoặc thấp hơn 35 học sinh/lớp được cộng hoặc trừ tỷ lệ % so với định mức. Cụ thể :

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn 35, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức.

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn 35, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.

- Riêng đối với các lớp học sơ cấp nghề: 22 học sinh/lớp, lớp Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề: Lớp nghề bình thường: 22 học sinh/lớp, lớp nghề nặng nhọc độc hại: 16 học sinh/lớp; Các lớp học tại trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật: 20 học sinh/lớp.

+ Định mức trên áp dụng cho thời gian học trong năm là 11 tháng.

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp cao hơn quy định, mỗi học sinh cao hơn (tính tròn) được cộng thêm 2% định mức.

+ Nếu số học sinh bình quân/lớp thấp hơn quy định, mỗi học sinh thấp hơn (tính tròn) được trừ bớt 2% định mức.

- Số lớp được tính bình quân gia quyền theo số tháng học trong năm.

- Định mức trên chỉ áp dụng đối với các lớp đào tạo do ngân sách tỉnh đài thọ và được UBND Tỉnh giao chỉ tiêu nhiệm vụ.

1.4) Định mức phân bổ chi khám chữa bệnh:

Phân bổ chi khám chữa bệnh theo số giường bệnh:

Đơn vị tính: triệu đồng/giường bệnh, ban, trạm/năm

STT	Loại giường bệnh	Định mức phân bổ năm 2017
1	Giường bệnh đa khoa ở BV tuyến tỉnh,	116
2	Giường bệnh đa khoa ở BV khu vực	100
3	Giường bệnh của BV lao và bệnh phổi	100
4	Giường bệnh y dược cổ truyền và phục hồi chức năng	90
5	Bệnh viện huyện, thành phố, bệnh viện 331, Bệnh viện Nhi	100

STT	Loại giường bệnh	Định mức phân bổ năm 2017
6	Ban Y tế dự phòng	1.915
7	Trạm y tế Trung tâm	936
8	Trạm y tế xã	489

a) Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế được giao (kể cả hợp đồng ND 68) và toàn bộ hoạt động sự nghiệp y tế đã giao cho đơn vị, kể cả chi phụ cấp ngành Y tế, chi nghiệp vụ, mua sắm, sửa chữa thường xuyên trang thiết bị y tế có giá trị nhỏ.

Dự toán sẽ tính lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở của bộ phận quản lý tại các cơ sở khám chữa bệnh theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công.

Các chế độ chính sách phụ cấp đặc thù ngành y tế và kinh phí cho công tác dự phòng.

Riêng Ban y tế dự phòng định mức chi cho 20 biên chế được giao, trạm y tế trung tâm cho 10 biên chế được giao, trạm y tế xã cho 05 biên chế được giao.

b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định 64/2009/NĐ-CP ngày 30/07/2009 của Chính phủ; theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ – CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ, Phụ cấp đặc biệt theo quy định tại Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ sẽ được bổ sung theo chế độ quy định và kinh phí nâng lương hằng năm.

- Chính sách hỗ trợ CB, CC, VC đi học và thu hút người có trình độ cao.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân thuộc diện chính sách xã hội.

- Vốn đối ứng cho các dự án.

- Đối với mua sắm trang thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn, hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách của tỉnh Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cân đối để thực hiện.

- Các khoản chi mang tính chất riêng biệt phát sinh thường xuyên hoặc không thường xuyên, đột xuất của ngành theo quy định của cấp có thẩm quyền.

1.5) Định mức phân bổ chi các lĩnh vực chi còn lại:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tính theo quy định hiện hành của sổ biên chế được giao (kể cả hợp đồng ND 68). Định mức chi khác được tính bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng quy mô biên chế; đối với các đơn vị ở vùng sâu, vùng xa có khó khăn thì được hỗ trợ thêm tùy theo từng loại hình và nhiệm vụ được giao.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ của từng lĩnh vực và khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình HĐND Tỉnh.

2) Định mức phân bổ chi ngân sách cho huyện, thị xã, thành phố:

2.1) Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

a) Phân bổ theo tiêu chí chính:

- Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao.

- Học bổng học sinh dân tộc nội trú (theo chỉ tiêu giao ở năm học 2016-2017 của cấp có thẩm quyền).

b) Phân bổ theo dân số:

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: được phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 01 đến 18 tuổi.

Phân theo khu vực xã	Đơn vị tính :đồng/người dân/năm	
	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	729.600
Khu vực 2	1,3	948.480
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,7	1.240.320

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: được phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 01 đến 18 tuổi).

Phân theo khu vực xã	Đơn vị tính :đồng/người dân/năm	
	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	24.470
Khu vực 2	1,3	31.810
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,7	41.600

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị để nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

- Đã tính toán các khoản kinh phí thường xuyên; thực hiện chương trình đổi mới giáo dục; các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú; kinh phí thực hiện các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ; Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

c) Các nội dung khác:

- Trên cơ sở định mức quy định nêu trên, nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 18% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao ở thời điểm cuối năm 2016 tối đa 82%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 18% (chưa kể nguồn thu học phí) và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 (kể cả nhu cầu chênh lệch lương tăng thêm theo Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ). Tỷ lệ này được áp dụng đối với năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3,4,5 tuổi; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Giáo dục & Đào tạo – Lao động Thương binh & Xã hội – Tài chính; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định tại 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ cho các trường do cấp huyện quản lý; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; kinh phí thực hiện chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chế độ, chính sách Trung ương ban hành sau ngày 31/5/2016 được bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

2.2) Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	24.750
Khu vực 2	1,4	34.650
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	2,0	49.500

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp y tế được phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố, đã bao gồm chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Các khoản phụ cấp theo quy định tại Nghị định 64/2009/NĐ-CP ngày 30/07/2009 của Chính phủ; Phụ cấp thu hút theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; Phụ cấp ưu đãi nghề y tế theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ; Phụ cấp đặc biệt xã biên giới theo Thông tư 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ sẽ được bổ sung theo chế độ quy định.

2.3) Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	17.360
Khu vực 2	1,4	24.300
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,9	32.980

b) Phân bổ bổ sung cho các di tích lịch sử - văn hoá; di tích thắng cảnh được xếp hạng và được giao cho cấp huyện, xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 70 triệu đồng/di tích/năm.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

- Toàn bộ kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hoá thông tin đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

- Kinh phí thực hiện chế độ thông tin, tuyên truyền.

- Kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá, truyền thanh xã.

c) Nội dung khác: Đối với kinh phí thực hiện Cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

2.4) Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	13.200
Khu vực 2	1,4	18.480
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,9	25.080

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

2.5) Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	7.130
Khu vực 2	1,4	9.980
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,9	13.550

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

Toàn bộ kinh phí hoạt động thể dục thể thao đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã (kể cả kinh phí tổ chức đại hội TDTT cấp huyện, xã; kinh phí tham gia đại hội TDTT cấp tỉnh).

2.6) Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	11.400
Khu vực 2	1,4	15.960
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,9	21.660

b) Phân bổ bổ sung:

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công giúp đỡ cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) ngoài chế độ phụ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần do ngân sách trung ương đảm bảo; ngân sách huyện, thị xã, thành phố được phân bổ với mức 240.000 đồng/gia đình, đối tượng thuộc diện chính sách để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

- Kinh phí để thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/01/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là

Chính phủ) được hưởng theo quy định tại Nghị định số: 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ.

c) Các nội dung khác:

- Kinh phí thực hiện 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ và Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

- Hàng năm ngân sách tỉnh sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện chi: hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của ngân sách huyện.

2.7) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh:

a) Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo khu vực xã	Chi quốc phòng		Chi an ninh	
	Hệ số	Định mức	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	36.000	1,0	11.880
Khu vực 2	1,5	54.000	1,5	17.820
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	1,7	61.200	1,7	20.200

b) Phân bổ bổ sung:

- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”): 850 triệu đồng/xã biên giới/năm.

- Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm: 40 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm: 33 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân cối 82 mm: 23 triệu đồng/trung đội/năm.

- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực : 526 triệu đồng/tiểu đội/năm.

- Bổ sung kinh phí Bảo vệ dân phố theo quyết định số 113/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh cho thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã AyunPa và huyện Chư Sê.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí hoạt động quốc phòng, an ninh đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

c) Nội dung khác: Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28-NQ/TW, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

2.8) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt (kể cả CB,CC cấp xã):

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b) Phân bổ theo đơn vị hành chính và phân bổ theo dân số:

- Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); xã, phường, thị trấn (cấp xã):

+ Cấp huyện: 2.160 triệu đồng/huyện/năm.

+ Cấp xã: 940 triệu đồng/xã/năm.

- Phân bổ theo dân số:

Phân theo khu vực xã	Đơn vị tính: đồng/người dân/năm	
	Định mức phân bổ năm 2017	
	Hệ số	Định mức
Khu vực 1	1,0	7.520
Khu vực 2	1,5	11.280
Khu vực 3 (Xã ĐBK)	2,0	15.040

Ghi chú: Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã; Kinh phí tặng quà cho người cao tuổi và toàn bộ kinh phí chi hoạt động quản lý hành chính đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí khoán cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; kinh phí khoán cho cán bộ không chuyên trách thôn, buôn, làng, tổ dân phố; kinh phí khoán cho tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, làng, tổ dân phố và chế độ, chính sách khác đối với thôn, làng, tổ dân phố; hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

+ Hỗ trợ kinh phí chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 1132-QĐ/TU ngày 14/10/2009 của Tỉnh ủy: 420 triệu đồng/huyện/năm.

c) Các nội dung khác:

- Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn) quy định tại Điểm b, Mục 2.8 (phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và phân bổ theo dân số) nêu trên nhỏ hơn 25%, sẽ được bổ sung đảm bảo đủ 25%; tỷ lệ chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương của số cán bộ công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt năm 2016 tối đa bằng 75%.

- Trong phạm vi ngân sách huyện, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng trình HĐND cấp mình phê chuẩn định mức chi cho Khối Đảng phù hợp Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC ngày 29/3/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương (nay nhập vào Văn phòng Trung ương) - Bộ Tài chính và Quyết định số 1132-QĐ/TU ngày 14/10/2009 của Tỉnh ủy Gia Lai quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Các huyện, thị xã, thành phố tự xây dựng định mức chi đối với các cơ quan hành chính để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, buôn, làng của xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính; kinh phí hoạt động khu dân cư, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch; hỗ trợ kinh phí hoạt động công tác Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

2.9) Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

a) Dự toán chi hoạt động kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 2.1 đến mục 2.8 trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi quốc phòng - an ninh qui định tại điểm b mục 2.7). Đối với đô thị loại II, loại III, loại IV, loại V (theo Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền) quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ được phân bổ thêm: 46.500 triệu đồng/đô thị loại II/năm; 12.750 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 8.500 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 5.000 triệu đồng/đô thị loại V/năm. Ngoài ra, bổ sung thêm đô thị loại II (thành phố Pleiku): 15.000 triệu đồng/đô thị; bổ sung cho đô thị loại IV (AyunPa. An Khê, Chư Sê): 5.000 triệu đồng/đô thị để chỉnh trang đô thị.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi hoạt động kinh tế đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

b) Đối với kinh phí miễn thu thủy lợi phí được bổ sung có mục tiêu hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

c) Các nội dung khác: Ngoài số kinh phí được phân bổ, toàn bộ khoản thu tịch thu vi phạm lâm luật do các cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố (kể cả Hạt Kiểm lâm) và UBND cấp xã quyết định xử lý được để lại bổ sung chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

2.10) Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Phân bổ theo tỷ lệ chi thường xuyên: tính bằng 1% chi thường xuyên phân bổ theo định mức từ mục 2.1 đến mục 2.9.

b) Bổ sung cho thành phố, thị xã và các huyện:

- Thành phố Pleiku: 10.000 triệu đồng/năm
- Thị xã An Khê, AyunPa và huyện Chư Sê: 3.350 triệu đồng/năm
- Các huyện: Đăk Đoa, Đăk Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Grai, Krông Pa, Chư Pưh, Chư Prông, Phú Thiện: 1.600 triệu đồng/năm; các huyện : Đăk Pơ, Ia Pa, Kông Chro, Mang Yang: 1.000 triệu đồng/năm.

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Toàn bộ kinh phí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đã phân cấp cho cấp huyện và cấp xã.

2.11) Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Phân bổ theo đô thị: Đô thị loại 1: 560 triệu đồng/năm; Đô thị loại 2: 510 triệu đồng/năm; Đô thị loại 3: 460 triệu đồng/năm; Đô thị loại 4: 410 triệu đồng/năm; Đô thị loại 5: 350 triệu đồng/năm (huyện Chư Păh chỉ tính cho 01 đô thị loại 5).

2.12) Định mức phân bổ chi thường xuyên khác ngân sách địa phương:

a) Phân bổ tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức từ mục 2.1 đến mục 2.11, trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi an ninh quốc phòng qui định tại điểm b mục 2.7.

Định mức phân bổ chi thường xuyên khác cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, trong đó kể cả kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm trang thiết bị trong các cơ quan quản lý hành chính.

b) Đối với các huyện có biên giới đất liền với Campuchia được bổ sung kinh phí mức 210 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện quan hệ với các địa phương nước bạn.

2.13) Phân bổ bổ sung:

a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2017 thấp được phân bổ thêm:

- Dưới 65.000 dân: phân bổ thêm 06% số chi tính theo định mức dân số.
- Từ 65.001 đến dưới 85.000 dân: phân bổ thêm 05% số chi tính theo định mức dân số.

b) Phân bổ cho 4 huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Gồm: huyện Kông Chro, Kbang, Krông Pa, Ia Pa): 600 triệu đồng/huyện/năm.

c) Phân bổ cho các địa phương có diện tích tự nhiên lớn hoặc số đơn vị hành chính cấp xã nhiều (trừ 4 huyện tại mục b, điểm 2.13):

- Diện tích từ 200 km² đến dưới 400 km²: 300 triệu đồng/huyện/năm.
- Diện tích trên 400 km² hoặc có trên 20 đơn vị hành chính cấp xã: 400 triệu đồng/huyện/năm.

d) Hỗ trợ cho các huyện có công trình thủy điện gây ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến đời sống, sản xuất của nhân dân địa phương (Gồm: các huyện Kbang, Chư Păh, Krông Pa, Ia Grai và thị xã An Khê): 1.200 triệu đồng/huyện, thị xã/năm.

2.14) Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách:

Tính bằng 2% tổng chi thường xuyên và chi đầu tư XD CB tập trung.

2.15) Đối với xã, phường, thị trấn; thôn, buôn, làng, tổ dân phố; di tích văn hóa, lịch sử; Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực được xác định theo Quyết định thành lập, quyết định công nhận hoặc chỉ tiêu giao của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 nếu có tăng thêm mới sẽ được tính toán bổ sung có mục tiêu như sau:

a) Xã, phường, thị trấn: được bổ sung chi thường xuyên cho địa phương bằng mức trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh.

b) Thôn, buôn, làng, tổ dân phố: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.

c) Di tích văn hoá, lịch sử được xếp hạng: 70 triệu đồng/di tích/năm.

d) Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm, Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm, Trung đội dân quân cối 82 mm, Tiểu đội dân quân thường trực: được bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo chế độ chính sách hiện hành.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh

1) Từ năm 2018 đến năm 2020: đối với lĩnh vực chi thuộc ngân sách cấp tỉnh như: quản lý hành chính, sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp nghiên cứu khoa học được điều chỉnh tăng thêm hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện và khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

2) Từ năm 2018 đến năm 2020: tăng thêm số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh và hỗ trợ cho các địa phương trong trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng và 02 địa phương có dân số ít (huyện Đắk Pơ và thị xã Ayun Pa) theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

3) Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách địa phương tăng thu lớn. /.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Trang



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh)

Trang 1

STT	Nội dung các khoản	Piêu lưu		Đã Đưa		Mang Yang		An Khê		Khánh		K.Chro		Chư Sê		Chư Prông		AyunPa		Krông Pa		Đức Cơ		IaGrai		Chư Păh		IaPa		Đăk Per		Phủ Thiện		Chư Pưh	
		NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã	NS cấp huyện	NS cấp xã		
	- Thu qua thành tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100	100	100	100						100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
V	LỆ PHÍ TRƯỚC BÁ:																																		
1	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất)	100	100	100	100						100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất																																		
	- Thu trên địa bàn phường	80	20					50	50		30	70	30	70	30	70	100		50	50															
	- Thu trên địa bàn thị trấn																																		
	- Thu trên địa bàn xã	20	80	100	100	100	30	70	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
	- Thu qua thành tra, thu qua khâu lưu thông hoặc thu các đối tượng không xác định địa bàn xã, phường, thị trấn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
VI	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT:																																		
1	Thu tiền sử dụng đất dự án do ngân sách huyện đầu tư thực	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
2	Thu tiền sử dụng đất (không kể tiền sử dụng đất do ngân sách huyện đầu tư thực hiện)																																		
	- Thu trên địa bàn phường, thị trấn	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
	- Thu trên địa bàn xã	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80		
VII	Tiền CHO THUÊ ĐẤT:																																		
1	Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp huyện quyết định thu	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
2	Thu tiền cho thuê đất do cơ quan cấp xã quyết định thu	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60	40	60		
	- Thu trên địa bàn phường, thị trấn	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80		
	- Thu trên địa bàn xã	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80	20	80		
VIII	THU PHẠT VI PHẠM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG:																																		
1	Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do UBND cấp huyện xử lý	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
2	Thu phạt vi phạm trật tự an toàn giao thông do Công an xã và các lực lượng cấp xã xử lý																																		
IX	CÁC KHOẢN THU CÒN LẠI:																																		
1	Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% (2)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
2	Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (3)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		

GHI CHÚ:

- (1) Doanh nghiệp ngoài quốc doanh không có vốn tham gia của Nhà nước: Bao gồm kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác), các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (không có vốn tham gia của Nhà nước), đơn vị tự nghiệp do cấp huyện, cấp xã quản lý.
- (2) Các khoản thu ngân sách cấp huyện tương đương 100% công thu từ bán tài sản Nhà nước từ trước số hữu sản của cấp huyện quản lý. Tiền bán của các khoản thu ngân sách cấp huyện đầu tư và do cơ quan cấp huyện quản lý. Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cơ quan cấp huyện quản lý. Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của đơn vị do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật. Tiền thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu do các cơ quan cấp huyện (kể cả kiểm lâm) xử lý. Thu hoạt động công nghiệp, thu tiền do các cơ quan cấp huyện quản lý thực hiện. Thu bổ sung ngân sách cấp huyện từ các khoản thu ngân sách cấp huyện từ trước chuyển giao ngân sách cấp huyện (kể cả kiểm lâm) xử lý. Thu ngân sách cấp huyện nộp.
- (3) Các khoản thu ngân sách cấp xã tương đương 100% công thu từ bán tài sản Nhà nước do cấp xã quản lý. Tiền cho thuê nhà, thuê quầy bán hàng do cấp xã quản lý. Thu phí và lệ phí (phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật) của các bộ phận do cấp xã quản lý. Thu đầu tư, thu khoản thu mua và tự quỹ đất công ích và hoạt động công ích khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý. Thu tự nghiệp, các khoản thu khác ngân sách của cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật. Tiền thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu do các bộ phận do cấp xã quản lý thực hiện. Thu bổ sung ngân sách cấp xã, thu kết dư ngân sách cấp xã năm trước, thu chuyển giao ngân sách cấp xã năm trước chuyển giao.
- (4) Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020, trường hợp cơ quan cấp xã quản lý có thẩm quyền về thành lập xã, phường, thị trấn mới, thì tỷ lệ phần chia các khoản thu giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã ở xã, phường, thị trấn mới thành lập được thực hiện theo tỷ lệ phần chia như trước khi cơ quan cấp xã quản lý quyết định thành lập.